

**ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC**

**BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 05/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 10/05/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28218101523	Nguyễn Văn An	02/01/2004	Gia Lai	31THT19	10,0	5,0	Đạt	
2	28208153369	Bùi Nguyễn Thảo Anh	21/08/2003	Kiên Giang	31TSC17	9,3	6,8	Đạt	
3	28218200298	Huỳnh Việt Anh	09/09/2004	Gia Lai	31TSC17	8,3	5,0	Đạt	
4	28218101769	Nguyễn Tuấn Anh	07/04/2004	Đà Nẵng	31THT19	7,3	6,0	Đạt	
5	28208034385	Trần Thị Quỳnh Anh	30/05/2004	Đà Nẵng	31SHT8	6,3	5,0	Đạt	
6	27202145195	Trịnh Ngọc Thảo Anh	20/05/2003	Đắk Lắk	30TYC2	7,3	9,5	Đạt	
7	29212330758	Lê Chí Bảo	10/07/2005	Đà Nẵng	31CBN11	9,0	8,3	Đạt	
8	28214706020	Lê Công Chiến	10/03/2004	Quảng Trị	31THT19	8,7	8,8	Đạt	
9	28214327002	Lê Quốc Cường	15/12/2004	Gia Lai	31TSC17	8,7	6,5	Đạt	
10	28204652092	Lê Bá Anh Đào	04/10/2004	Quảng Trị	31CBN11	8,0	3,5	Không Đạt	
11	27212100962	Mai Quốc Đạt	17/05/2002	Đà Nẵng	31THT19	5,3	5,8	Đạt	
12	28214301333	Mông Văn Đạt	01/04/2004	Đắk Lắk	31THT19	10,0	7,5	Đạt	
13	28212406603	Đoàn Huy Đoan	19/07/2004	Quảng Ngãi	31CBN11	7,0	5,5	Đạt	
14	28204351333	Lê Thị Kim Dung	17/02/2004	Huế	31THT19	7,7	5,3	Đạt	
15	29207261885	Nguyễn Thùy Dung	06/12/2005	Thanh Hóa	31TSC17	8,0	5,0	Đạt	
16	25213311212	Nguyễn Hoàng Huy Dương	01/01/2001	Hà Tĩnh	31CBN11	7,3	9,0	Đạt	
17	28214752490	Nguyễn Khoa Đông Dương	03/01/2004	Thừa Thiên H	31THT19	2,7	3,5	Không Đạt	
18	28206736150	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	15/02/2004	Bình Định	31TSC15	9,0	5,5	Đạt	
19	28214648794	Trần Thị Ngọc Duyên	31/03/2004	Đà Nẵng	31TSC17	2,3	5,5	Không Đạt	
20	29207238039	Tô Ngọc Thanh Hà	31/03/2005	Quảng Ngãi	31TSC17	8,7	6,8	Đạt	
21	27202239602	Nguyễn Thị Hồng Hải	18/10/2003	Đắk Lắk	30SHT5	7,0	3,8	Không Đạt	
22	28204644594	Trần Thị Mỹ Hạnh	03/06/2004	Đà Nẵng	31TSC17	8,0	6,3	Đạt	
23	29216654109	Nguyễn Tấn Hậu	20/11/2005	Quảng Nam	31SHT9	9,3	V	Không Đạt	
24	29206565025	Nguyễn Thị Phương Hậu	06/12/2005	Đà Nẵng	31TSC17	9,7	5,8	Đạt	
25	29206565758	Võ Thị Hậu	17/10/2005	Quảng Nam	31TSC17	10,0	7,3	Đạt	
26	28208150023	Võ Thị Thu Hiền	31/05/2004	Đà Nẵng	31TSC17	6,7	6,0	Đạt	
27	27211321762	Trần Văn Hiếu	30/10/2003	Đà Nẵng	31TYC10	9,0	4,0	Không Đạt	
28	29214644685	Lê Võ Hoàng	10/08/2005	Quảng Nam	31TSC17	3,0	1,3	Không Đạt	
29	29212364223	Trương Lê Nhật Hoàng	09/01/2005	Huế	31CBN11	4,3	8,8	Không Đạt	
30	28208054653	Lê Huỳnh Kim Huệ	13/02/2004	Đà Nẵng	31THT19	9,7	7,5	Đạt	
31	28218004624	Lưu Đức Huệ	19/09/2004	Bình Định	31TSC10	6,3	5,0	Đạt	
32	30214721333	Trần Phi Hùng	19/11/2006	Quảng Trị	31TSC17	6,0	4,0	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
33	28218128741	Nguyễn Trương Quốc	Huy	03/05/2004	Đà Nẵng	31TSC17	6,7	6,3	Đạt	
34	28214752546	Văn Đức	Huy	31/05/2004	Đà Nẵng	31THT19	6,0	7,8	Đạt	
35	28216803689	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/05/2004	Quảng Nam	31THT19	7,7	5,0	Đạt	
36	29204955058	Võ Thị	Huyền	16/05/2005	Nghệ An	31THT19	9,7	8,3	Đạt	
37	28212753052	Nguyễn Nhật	Khôi	14/12/2004	Kon Tum	31THT19	7,0	3,5	Không Đạt	
38	30206954876	Vũ Thùy	Linh	27/03/2006	Gia Lai	31TYC15	8,3	5,0	Đạt	
39	28215100966	Nguyễn Thành	Long	06/05/2004	Quảng Bình	31THT19	V	V	Không Đạt	
40	28208003727	Huỳnh Thị Trúc	Ly	30/04/2004	Quảng Nam	31TSC17	9,0	4,0	Không Đạt	
41	28204300857	Nguyễn Thị Trà	My	18/10/2003	Quảng Bình	31TSC15	8,0	3,5	Không Đạt	
42	27215433751	Trần Minh	Nam	02/03/2003	Lâm Đồng	31THT17	7,0	5,8	Đạt	
43	27218239397	Văn Thanh Hoàng	Nam	19/09/2003	Quảng Nam	31CSC4	7,7	6,8	Đạt	
44	28202842275	Lê Thị Bảo	Ngọc	16/05/2004	Đà Nẵng	31CBN11	3,7	8,5	Không Đạt	
45	30207237653	Đỗ Lê Thảo	Nguyên	28/09/2006	Quảng Nam	31CBN11	9,7	9,0	Đạt	
46	28208002425	Trương Thị Ánh	Nguyệt	25/07/2004	Đà Nẵng	31CBN11	8,3	5,0	Đạt	
47	28206637721	Trần Thị Thanh	Nhân	19/12/2004	Quảng Trị	31TSC15	8,7	5,8	Đạt	
48	28212703152	Hồ Công	Nhật	01/01/2004	Quảng Trị	31CBN11	9,3	9,9	Đạt	
49	28208101360	Đặng Thị	Nhi	28/09/2004	Huế	31CBN11	10,0	7,3	Đạt	
50	28208143989	Võ Thị Thùy	Nhi	25/11/2004	Đà Nẵng	31CBN11	8,7	7,5	Đạt	
51	28210202007	Lê Thiện	Phương	05/06/2004	Quảng Ngãi	31THT19	8,7	5,8	Đạt	
52	29218239142	Nguyễn Duy	Phương	19/07/2005	Đà Nẵng	31SHT9	V	V	Không Đạt	
53	29206757780	Vũ Hà	Phương	18/07/2005	Gia Lai	31CSC10	V	V	Không Đạt	
54	29206538423	Phùng Thị	Phượng	26/03/2005	Đắk Lắk	31TSC17	8,3	6,5	Đạt	
55	28218130469	Đình Gia	Quân	30/11/2004	Đà Nẵng	31THT11	5,7	5,5	Đạt	
56	27215249713	Nguyễn Xuân	Quang	01/03/2003	Đà Nẵng	31THT19	V	V	Không Đạt	
57	29216655098	Huỳnh Đỗ Mạnh	Quốc	02/09/2005	Đà Nẵng	31CBN11	9,7	5,0	Đạt	
58	29216659091	Trần Đại	Quý	25/12/2005	Quảng Ngãi	31CBN11	8,7	9,0	Đạt	
59	29206660578	Nguyễn Thục Tú	Quyên	27/12/2005	Đà Nẵng	31CBN11	9,7	7,5	Đạt	
60	28202704004	Nguyễn Như	Quỳnh	02/09/2004	Đà Nẵng	31THT19	V	V	Không Đạt	
61	28212405074	Phạm Trường	Son	28/11/2004	Quảng Nam	31CBN11	8,3	9,0	Đạt	
62	28218251558	Trần Cao	Son	05/06/2004	Đà Nẵng	31TSC17	6,0	8,5	Đạt	
63	28217706788	Nguyễn Minh	Tài	12/02/2004	Nghệ An	31SYC5	6,7	6,0	Đạt	
64	29208243103	Đặng Thị Minh	Tâm	04/10/2005	Đà Nẵng	31SHT9	5,3	V	Không Đạt	
65	28218100203	Nguyễn Bảo	Tâm	03/01/2004	Đắk Lắk	31THT19	2,0	2,8	Không Đạt	
66	28214134979	Nguyễn Tiến	Tân	02/02/2004	Huế	31TBN16	7,7	5,5	Đạt	
67	28206901941	Nguyễn Thị	Thắm	04/03/2004	Quảng Nam	31TSC17	9,3	7,3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	29206746076	Lê Thị Phương	Thảo	27/09/2004	Thừa Thiên H	31THT19	8,7	3,8	Không Đạt	
69	28206506193	Lê Trần Phương	Thảo	01/06/2004	Thừa Thiên H	31CBN11	8,0	3,3	Không Đạt	
70	28212746383	Nguyễn Khánh	Thiện	11/11/2004	Đà Nẵng	31THT19	6,7	5,3	Đạt	
71	29217329592	Trương Văn	Thông	02/01/2005	Quảng Nam	31TSC17	V	V	Không Đạt	
72	28208152326	Nguyễn Thị Thanh	Thu	24/09/2004	Quảng Nam	31CBN11	9,7	5,5	Đạt	
73	28206900458	Ngô Phạm Minh	Thư	22/12/2004	Bình Thuận	31TSC17	7,0	5,3	Đạt	
74	28208006949	Lê Thị	Thuận	28/07/2004	Quảng Nam	31CBN11	V	V	Không Đạt	
75	28204104709	Đặng Thị Hiền	Thục	18/08/2004	Quảng Ngãi	31TBN16	8,0	5,0	Đạt	
76	28204653290	Nguyễn Thị Hoài	Thương	23/02/2004	Quảng Nam	31CBN11	8,3	5,5	Đạt	
77	29206255774	Hứa Ngọc Phương	Thy	02/08/2005	Đà Nẵng	31CBN11	8,3	7,8	Đạt	
78	29206255773	Lê Thùy	Tiên	18/09/2005	Quảng Trị	31THT19	9,3	5,0	Đạt	
79	29206558742	Mai Thị Hà	Tiên	09/11/2005	Quảng Nam	31CSC4	8,3	3,5	Không Đạt	
80	28208229738	Ngô Thị Cẩm	Tiên	26/03/2004	Đà Nẵng	31THT15	9,7	6,0	Đạt	
81	29206557578	Lê Thị Bích	Trâm	21/05/2005	Đà Nẵng	31THT19	9,3	6,8	Đạt	
82	29206562451	Trần Thanh	Trâm	05/12/2005	Quảng Nam	31CSC4	7,0	2,5	Không Đạt	
83	27211331437	Ngô Minh	Trí	30/10/2003	Quảng Nam	31THT6	5,0	5,0	Đạt	
84	28214600461	Phạm Xuân Bảo	Trí	11/12/2004	Quảng Trị	31THT19	4,3	4,0	Không Đạt	
85	29207264791	Trần Thị Lan	Trình	29/06/2005	Đà Nẵng	31TSC17	8,7	5,0	Đạt	
86	28213506275	Nguyễn Anh	Tú	13/01/2004	Nghệ An	31THT19	V	V	Không Đạt	
87	28214301853	Đào Anh	Tuấn	06/01/2004	Phú Yên	31THT19	6,0	5,0	Đạt	
88	27212240294	Đỗ Trung Anh	Tuấn	28/10/2003	Quảng Trị	31THT19	4,0	5,5	Không Đạt	
89	28208202598	Phan Thị Thu	Tuyền	20/08/2004	Đà Nẵng	31SYC6	5,3	V	Không Đạt	
90	28206601823	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	30/06/2004	Quảng Nam	31CBN11	8,7	6,3	Đạt	
91	28204501753	Lê Bảo	Uyên	24/08/2004	Quảng Nam	31TBN17	9,7	4,0	Không Đạt	
92	29202757585	Lê Thị Thu	Uyên	22/09/2005	Đà Nẵng	31THT19	9,7	6,0	Đạt	
93	28214325485	Võ Hoàng	Vũ	10/11/2004	Đà Nẵng	31THT19	9,3	7,3	Đạt	
94	28204500384	Lê Thị	Vy	27/09/2004	Quảng Nam	31CBN11	7,3	7,5	Đạt	
95	28202805862	Trần Hoàng Nhật	Vy	06/08/2004	Đà Nẵng	31CBN11	V	V	Không Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh